

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN
HÀ GIANG**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Phương	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016)
Ông Ma Ngọc Tiến	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016)
Ông Vũ Trí Thức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016)
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên
Ông Tạ Hồng Thăng	Thành viên
Ông Đào Xuân Tuất	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016)
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Ma Ngọc Tiến	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016)
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016)
	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 20 tháng 5 năm 2016)
Ông Đào Xuân Tuất	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

Số 390 đường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang

Tỉnh Hà Giang, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ma Ngọc Tiến

Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Số: 181 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày ngày 10 tháng 8 năm 2016, từ trang 5 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng theo giá gốc trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 với số tiền là 69.469.880.000 VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị của khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 vì chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế cần thiết để đánh giá giá trị của khoản đầu tư tài chính nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty có nghĩa vụ đóng góp cho địa phương để đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và công trình phúc lợi căn cứ theo quy định tại Luật Khoáng sản và hướng dẫn của UBND tỉnh Hà Giang. Căn cứ vào Công văn số 109/BC-CT ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Hà Giang về việc đề nghị UBND tỉnh Hà Giang xem xét báo cáo thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh về việc tạm dừng thực hiện thu khoản đóng góp nêu trên, Công ty đã tạm dừng trích chi phí phải đóng góp cho địa phương cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 với tổng số tiền là 11.340.000.000 VND (trong đó chi phí phải đóng góp cho địa phương cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 3.780.000.000 VND). Đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh Hà Giang chưa đưa ra quyết định đối với việc tạm dừng thu đối với các khoản đóng góp địa phương nêu trên. Nếu Công ty ghi nhận đầy đủ khoản chi phí phải đóng góp cho địa phương theo quy định hiện hành, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, khoản mục Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi 3.780.000.000 VND, trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, khoản mục Phải trả ngắn hạn khác sẽ tăng lên 11.340.000.00 VND và khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sẽ giảm đi một khoản tương ứng.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Dự án thăm dò quặng antimony mỏ Bó Mới - Thâm Tiêng đã kết thúc giai đoạn đầu mà chưa tìm thấy thân quặng antimony. Ban Giám đốc Công ty đang nghiên cứu phương án thuê công ty tư vấn đánh giá khả năng triển khai giai đoạn tiếp theo của Dự án hoặc kết thúc Dự án để trình Hội đồng Quản trị xem xét đánh giá.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		116.413.324.680	132.389.564.490
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	63.371.838.333	99.710.404.514
1. Tiền	111		42.171.838.333	29.702.534.792
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.200.000.000	70.007.869.722
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		23.900.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	23.900.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.121.428.308	5.424.767.472
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.689.104.159	4.261.184.691
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.273.442.481	1.218.592.482
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	885.122.521	671.231.152
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(726.240.853)	(726.240.853)
IV. Hàng tồn kho	140	10	20.716.378.196	25.173.030.895
1. Hàng tồn kho	141		20.716.378.196	25.173.030.895
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.303.679.843	2.081.361.609
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	91.821.372	98.160.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	14	2.211.858.471	1.983.201.609
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		140.995.235.230	142.675.649.337
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.920.324.509	1.704.253.453
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.920.324.509	1.704.253.453
II. Tài sản cố định	220		39.283.236.771	43.509.238.978
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	9.285.790.380	11.715.459.792
- Nguyên giá	222		44.136.604.261	43.998.952.857
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.850.813.881)	(32.283.493.065)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	29.997.446.391	31.793.779.186
- Nguyên giá	228		46.168.552.193	46.168.552.193
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.171.105.802)	(14.374.773.007)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		15.313.061.169	13.034.841.998
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	15.313.061.169	13.034.841.998
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	82.726.780.240	82.726.780.240
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.756.900.240	12.756.900.240
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		69.969.880.000	69.969.880.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.751.832.541	1.700.534.668
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.751.832.541	1.700.534.668
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		257.408.559.910	275.065.213.827

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu số B 01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	31/12/2015
			(Trình bày lại)	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		58.509.167.072	72.071.442.629
I. Nợ ngắn hạn	310		44.220.807.626	57.738.083.183
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	4.123.004.735	4.696.817.882
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	16.863.808.736	20.454.408.692
3. Phải trả người lao động	314		1.205.873.300	2.634.630.300
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.014.274.632	291.410.732
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	19.167.291.645	28.184.197.535
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.846.554.578	1.476.618.042
II. Nợ dài hạn	330		14.288.359.446	14.333.359.446
1. Phải trả dài hạn khác	337		477.719.064	477.719.064
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	13.810.640.382	13.855.640.382
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		198.899.392.838	202.993.771.198
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	198.899.392.838	202.993.771.198
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		126.000.000.000	126.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		126.000.000.000	126.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.500.000.000	4.500.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(42.833.907.079)	(42.833.907.079)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		107.025.722.491	107.025.722.491
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.103.464.642	1.103.464.642
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.104.112.784	7.198.491.144
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		769.074.839	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		2.335.037.945	7.198.491.144
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		257.408.559.910	275.065.213.827

Hoàng Lê Khanh
Người lập biểu

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng



Ma Ngọc Tiên
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 02a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
1. Doanh thu bán hàng	01		37.012.006.191	50.763.935.990
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	20	37.012.006.191	50.763.935.990
4. Giá vốn hàng bán	11	21	29.694.659.234	30.407.382.007
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)	20		7.317.346.957	20.356.553.983
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	1.848.449.803	2.212.233.565
7. Chi phí tài chính	22		278.504.080	499.085
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.388.889	-
8. Chi phí bán hàng	25	25	602.873.821	677.324.834
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	4.905.193.887	5.259.889.591
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		3.379.224.972	16.631.074.038
11. Thu nhập khác	31		57.824.546	38.977.392
12. Chi phí khác	32		733.826.223	4.179.503.870
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40	24	(676.001.677)	(4.140.526.478)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.703.223.295	12.490.547.560
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	273.189.119	877.536.638
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		2.430.034.176	11.613.010.922
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	196	896

Hoàng Lê Khanh
Người lập biểu

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng



Ma Ngọc Tiên
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2016

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.703.223.295	12.490.547.560
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.363.653.611	4.491.504.509
- Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	209.620.541	(720.252.546)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.786.610.014)	(1.491.981.019)
- Chi phí lãi vay	06	7.388.889	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.497.276.322	14.769.818.504
- Thay đổi các khoản phải thu	09	(907.265.445)	(114.867.927)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	4.456.652.699	5.665.150.412
- Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.673.215.812)	16.217.214.368
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(44.959.245)	688.332.180
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.388.889)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(221.239.571)	(830.947.417)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.840.418.848
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(194.116.000)	(23.126.461.961)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.905.744.059	15.108.657.007
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(787.651.404)	(15.835.000)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(23.900.000.000)	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(17.934.999.600)
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.552.486.705	1.255.864.565
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23.135.164.699)	(16.694.970.035)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU

Mã số **Từ ngày 01/01/2016
đến ngày 30/6/2016** **Từ ngày 01/01/2015
đến ngày 30/6/2015**

III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(24.692.286.775)
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.000.000.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.000.000.000)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(14.899.525.000)	(5.960.360.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(14.899.525.000)</i>	<i>(30.652.646.775)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(36.128.945.640)	(32.238.959.803)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	99.710.404.514	123.600.195.317
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(209.620.541)	720.252.546
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	63.371.838.333	92.081.488.060

Hoàng Lê Khanh
Người lập biểu

Ngày Ngày 10 tháng 8 năm
2016

Đỗ Khắc Hùng
Kế toán trưởng



Ma Ngọc Tiến
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang được hợp nhất với Công ty Khai thác Chế biến Khoáng sản Hà Giang thành Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang theo Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang. Theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000027 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 7 ngày 03 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 126.000.000.000 VND. Trong đó vốn góp Nhà nước là 58.762.800.000 VND, chiếm 46,64% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 176 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 188).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành khai thác và chế biến khoáng sản. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác quặng, kim loại quý hiếm.

Hoạt động chính của Công ty là khai thác và chế biến quặng antimony.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Cấu trúc Công ty bao gồm văn phòng chính của Công ty đặt tại Hà Giang, văn phòng chi nhánh đặt tại Hà Nội, phân xưởng khai thác và phân xưởng luyện antimony đặt tại Hà Giang.

Công ty có một công ty liên kết là Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 31, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được trình bày lại theo quyết định điều chỉnh của Ban Giám đốc.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Công ty đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Công ty.